

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng từ đầu phiên sáng và tiến lên giao dịch trong vùng 1,285 - 1,290. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,287.48 điểm, tăng hơn 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Truyền thông, Ô tô và phụ tùng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Cổ phiếu Ngân hàng tăng điểm hỗ trợ cho nhịp kiểm tra đỉnh. Thị trường dù vậy sẽ còn giao dịch giằng co tại vùng đỉnh 1,285 - 1,300 điểm trong vài phiên tới trước khi có những biến động mạnh tạo hướng rõ ràng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/09/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.49** điểm, đóng cửa tại **1287.48** điểm. HNX-Index **+1.52** điểm, đóng cửa tại **235.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.19)**, **BID (+1.05)**, **MBB (+0.65)**, **HPG (+0.55)**, **VPB (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.35)**, **GVR (-0.14)**, **NAB (-0.13)**, **VHM (-0.11)**, **VJC (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,542 tỷ đồng**, tăng **77.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,749 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.97 điểm. Thị trường có **276** mã tăng, 127 mã tham chiếu, **71** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **525.84 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VCI (90.05 tỷ)**, **MWG (84.36 tỷ)**, **TCB (79.03 tỷ)**, **SSI (64.85 tỷ)**, **VIX (49.23 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.11 tỷ đồng**.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.80%**. Các mã diễn biến tích cực: **STB (+3.41%)**, **CTR (+3.41%)**, **PVD (+2.61%)**.
- BSC50 **+0.75%**. Các mã diễn biến tích cực: **KBC (+6.82%)**, **CTD (+4.40%)**, **SZC (+3.29%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.80%	0.75%	0.67%	0.74%
1 tuần	1.46%	1.20%	0.76%	1.34%
1 tháng	-0.46%	0.66%	0.45%	0.76%
3 tháng	-1.60%	-4.31%	-1.30%	-0.17%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,287.48	235.84	93.50
% 1D	0.82%	0.65%	-0.33%
GTGD (tỷ VND)	20,542	1,386	592
%1D	77.61%	72.46%	25.34%
GDNN (tỷ VND)	525.84	2.11	12.38

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCI	90.05	HPG	-65.40
MWG	84.36	STB	-60.81
TCB	79.03	VNM	-33.50
SSI	64.85	MSB	-31.98
VIX	49.23	KBC	-23.40

Thị trường thế giới

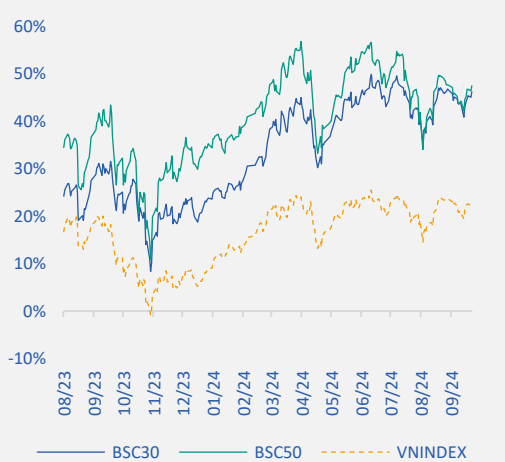
		%D	%W
SPX	5,733	0.25%	1.75%
FTSE100	8,295	0.15%	0.50%
Eurostoxx	4,919	-0.23%	1.61%
Shanghai	2,896	1.16%	6.59%
Nikkei	37,911	-0.25%	4.71%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.27	-0.27%
Giá vàng	2,622	-2.42%
Tỷ giá		
USD/VND	24,720	-0.20%
EUR/VND	28,238	0.22%
JPY/VND	175	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.7%	0.01%
LS LNH 1M	3.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



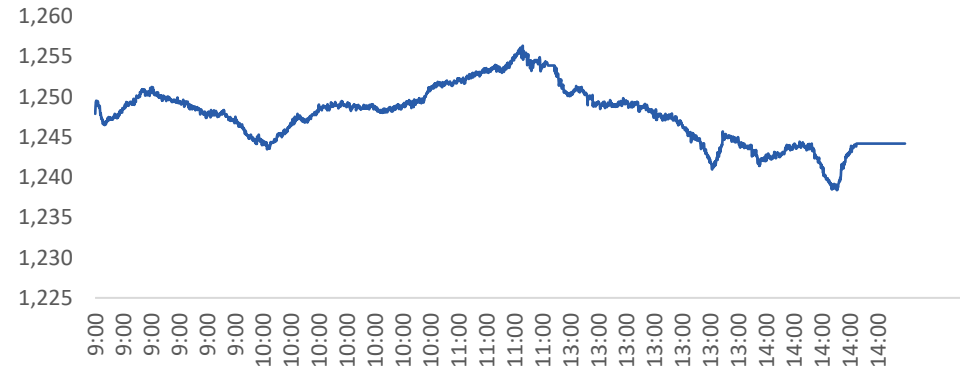
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30.

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1344.10	0.67%	403	58.66%	11/21/2024	57
VN30F2412	1342.80	0.66%	112	-8.20%	12/19/2024	85
VN30F2503	1343.00	0.75%	58	262.50%	3/20/2025	176
VN30F2410	1344.00	0.67%	181,546	9.89%	10/17/2024	22

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +13.20 điểm, đóng cửa tại 1344.07 điểm. Biên độ dao động 10.01 điểm. Các cổ phiếu như STB, ACB, MBB, HPG, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường tăng và nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIB2305	1/9/2025	106	2,738,300	-73.60%	2.08	540	25.6%	3.07	5.14	19.45	19.45
CMBB2403	12/6/2024	72	285,500	-77.17%	2.30	1,790	13.3%	11.74	5.88	25.75	25.75
CMBB2402	5/21/2025	238	1,057,400	-74.69%	2.35	2,130	9.2%	12.00	6.52	25.75	25.75
CHPG2342	11/21/2024	57	348,600	-69.12%	2.18	650	8.3%	2.64	8.09	26.20	26.20
CMBB2404	3/6/2025	162	134,700	-75.03%	2.35	2,040	7.9%	11.72	6.43	25.75	25.75
CSTB2337	11/21/2024	57	2,552,100	-73.98%	2.70	830	7.8%	4.29	8.51	32.70	32.70
CSTB2402	5/21/2025	238	1,840,700	-73.85%	3.00	1,850	7.6%	9.93	8.55	32.70	32.70
CSTB2404	3/6/2025	162	445,800	-75.84%	3.10	1,200	7.1%	7.42	7.90	32.70	32.70
CMBB2315	1/9/2025	106	2,389,100	-66.11%	1.96	1,730	6.8%	6.09	8.73	25.75	25.75
CTCB2310	10/9/2024	14	756,000	-63.69%	1.70	1,790	4.7%	5.70	8.64	23.80	23.80
CACB2305	10/9/2024	14	2,046,100	-69.99%	2.02	1,160	4.5%	4.80	7.86	26.20	26.20
CVNM2401	5/21/2025	238	1,460,500	-73.05%	6.60	1,520	4.1%	7.90	18.76	69.60	69.60
CHPG2402	5/21/2025	238	289,100	-74.78%	2.82	1,390	2.2%	8.61	6.61	26.20	26.20
CHPG2334	1/9/2025	106	391,000	-75.89%	2.68	500	2.0%	3.24	6.32	26.20	26.20
CFPT2317	11/21/2024	57	122,200	-58.65%	8.72	3,630	0.6%	9.74	55.74	134.80	134.80
CMWG2314	1/9/2025	106	429,300	-64.76%	5.16	1,920	0.5%	6.41	24.21	68.70	68.70
CFPT2314	1/9/2025	106	194,800	-56.06%	8.64	5,860	0.0%	14.62	59.23	134.80	134.80
CMWG2401	5/21/2025	238	205,200	-75.57%	6.55	2,580	-0.8%	15.71	16.79	68.70	68.70
CMWG2403	3/6/2025	162	63,000	-75.23%	6.45	2,130	-0.9%	12.58	17.01	68.70	68.70
CVHM2402	3/6/2025	162	96,300	-75.11%	4.15	1,710	-1.2%	10.02	10.99	44.15	44.15

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 25/09/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

• CVIB2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 83.33%. CMBB2315 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.80%.

• CFPT2314, CFPT2317, CTCB2310, CMWG2314, và CMBB2315 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
CMWG2401, CVNM2404, CMWG2404, CVNM2315, và CVNM2403 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.80	1.75%	2.19	5.59
BID	50.00	1.52%	1.05	5.70
MBB	25.75	1.98%	0.65	5.31
HPG	26.20	1.35%	0.55	6.40
VPB	19.45	1.30%	0.48	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	31.20	5.76%	0.56	0.44
KSV	55.50	2.78%	0.22	0.20
CEO	16.10	3.21%	0.20	0.54
SHS	15.60	1.96%	0.18	0.81
NVB	9.30	2.20%	0.08	0.56

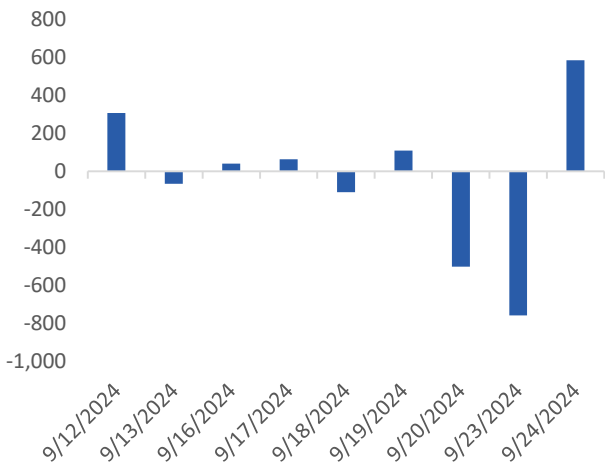
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	69.60	-1.00%	-0.35	2.09
GVR	36.00	-0.41%	-0.14	4.00
NAB	17.10	-2.29%	-0.13	1.32
VHM	44.15	-0.23%	-0.11	4.35
VJC	104.60	-0.48%	-0.07	0.54

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	58.90	-0.67%	-0.09	0.33
NTP	65.50	-1.06%	-0.06	0.13
TKU	15.20	-9.52%	-0.05	0.05
GKM	18.00	-9.55%	-0.04	0.03
VCS	65.80	-0.45%	-0.03	0.16

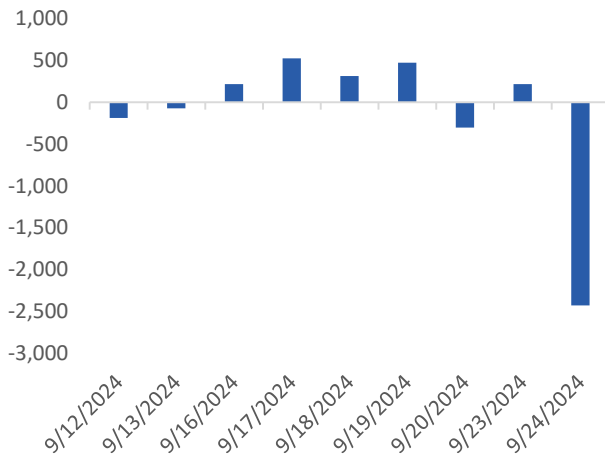
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.8	1.80%	0.7	21,071	9.8	5,962	15.6	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	50.0	1.50%	1.1	11,579	10.7	4,006	12.5	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	1.30%	0.9	6,269	36.3	1,461	13.3	-	26.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.8	1.10%	1.2	6,812	22.7	3,047	7.8	-	20.9%	Link
MBB	Ngân hàng	25.8	2.00%	1.0	5,551	33.5	4,018	6.4	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	32.7	2.70%	1.2	2,504	38.0	4,340	7.5	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	36.0	-0.10%	1.4	7,854	14.3	3,782	9.5	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	1.60%	0.8	4,754	24.5	3,676	7.1	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	27.4	3.20%	1.3	2,188	30.5	1,882	14.6		41.3%	Link
IDC	Xây dựng	58.9	-0.70%	1.1	790	1.6	5,573	10.6	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.2	1.40%	1.2	6,808	43.6	1,746	15.0	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	20.7	2.70%	1.6	518	16.6	1,844	11.2	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	44.2	-0.20%	0.9	7,810	19.1	5,350	8.3	108,300	14.2%	Link
KDH	BĐS	39.2	1.80%	1.2	1,448	8.6	765	51.2	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	42.4	1.20%	1.2	663	4.2	1,102	38.5	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	115.5	0.00%	1.5	1,782	6.3	7,898	14.6	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	39.2	2.40%	1.2	842	12.0	2,828	13.8	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	73.8	0.10%	0.6	7,024	2.0	4,760	15.5	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.6	0.00%	1.0	808	6.5	1,932	21.5	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	0.20%	1.3	623	5.6	1,155	23.9	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	13.0	3.60%	0.7	1,242	8.2	463	28.2	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	72.5	0.70%	1.3	661	1.0	3,234	22.4	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	79.0	0.00%	0.8	996	1.9	4,054	19.5	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	69.6	-1.00%	0.6	5,909	12.8	4,633	15.0	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	75.5	0.90%	1.2	4,640	15.8	466	161.9	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	68.7	0.90%	1.3	4,080	15.2	1,507	45.6	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.6	0.20%	1.0	1,354	4.8	6,132	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	48.3	0.80%	1.7	426	2.2	2,236	21.6	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	134.8	0.20%	1.1	7,998	24.5	4,890	27.6	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	132.5	-0.70%	1.3	616	1.5	4,590	28.9	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	27.2	0.90%	0.9	3,224	8.1	4,137	6.6	1.6	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.4	1.80%	1.1	2,354	12.2	3,048	6.4	1.3	20.5%	21.4%
TPB	Ngân hàng	15.6	1.30%	1.2	1,674	7.4	2,154	7.2	1.0	28.4%	14.2%
MSB	Ngân hàng	12.0	3.00%	1.1	1,262	10.9	2,366	5.0	0.7	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	17.4	0.90%	0.8	1,320	3.0	1,273	13.7	1.3	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	31.2	1.60%	1.6	892	20.4	1,397	22.3	2.1	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	35.6	3.20%	1.7	831	22.9	1,763	20.2	1.8	20.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	15.0	1.70%	1.5	931	11.8	1,591	9.5	1.3	13.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	49.8	1.10%	1.6	451	2.6	2,165	23.0	2.1	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	15.6	2.00%	1.7	515	8.0	1,338	11.7	1.2	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	64.2	0.20%	1.3	261	1.0	2,996	21.4	0.7	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	12.2	0.80%	1.6	215	3.5	869	14.1	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	11.0	0.90%	1.6	86	1.4	766	14.3	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	37.8	0.10%	1.1	276	1.1	1,549	24.4	2.3	3.2%	12.1%
SIP	Xây dựng	73.9	1.20%	1.4	632	1.8	5,931	12.5	3.4	2.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	60.0	-0.30%	1.0	330	0.4	3,028	19.8	2.1	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	23.0	1.30%	1.7	571	12.0	151	152.7	1.8	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	16.1	3.20%	2.0	354	7.3	318	50.6	1.4	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.0	-0.50%	1.5	875	4.7	300	93.5	1.2	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	44.2	0.00%	1.2	805	1.5	1,776	24.9	2.4	4.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	36.0	-0.40%	1.5	5,850	5.5	693	51.9	2.8	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	21.7	2.80%	1.6	232	8.6	1,580	13.7	1.0	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	123.5	-0.80%	1.2	411	1.1	11,420	10.8	3.8	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	14.2	1.10%	1.4	219	1.9	683	20.9	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	16.2	2.80%	1.6	476	19.0	249	65.3	1.1	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	19.1	0.30%	1.3	1,763	5.9	1,975	9.7	1.1	22.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	23.2	2.70%	1.7	821	10.6	557	41.5	1.8	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	23.0	1.30%	1.7	571	12.0	151	152.7	1.8	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.6	0.00%	1.0	602	1.0	64	261.6	1.7	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	9.0	0.00%	1.2	-	0.2	503	17.9	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	39.4	0.30%	2.0	177	4.5	4,748	8.3	1.2	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	37.3	-0.40%	1.2	122	0.5	3,067	12.2	1.6	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	31.8	1.30%	0.8	154	0.6	2,509	12.7	2.0	11.7%	16.5%
PC1	Điện	29.4	2.30%	1.3	372	6.6	1,203	24.5	1.7	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	29.2	1.60%	1.3	400	10.0	1,958	14.9	1.6	15.7%	11.8%
GEX	Điện	21.4	1.20%	1.5	745	6.0	1,245	17.1	1.4	8.3%	7.0%
QTP	Điện	14.3	-0.70%	0.6	-	0.2	1,357	10.5	1.2	1.2%	11.2%
PLX	O&G	45.4	0.40%	0.9	2,344	2.4	2,879	15.8	2.3	18.2%	13.8%
BSR	O&G	24.1	0.40%	1.0	-	5.7	2,408	10.0	1.3	0.7%	13.4%
PLC	O&G	25.0	0.40%	1.5	82	0.1	734	34.1	1.6	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	32.2	0.80%	1.6	174	0.8	114	282.8	1.5	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	62.0	0.00%	0.8	169	0.3	4,899	12.7	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	17.4	0.90%	1.3	203	2.2	713	24.5	1.1	3.1%	7.3%
VTP	Logistics	77.5	-3.10%	1.5	383	2.9	2,893	26.8	5.9	6.9%	22.8%
DBC	Logistics	29.8	0.00%	1.6	404	5.7	979	30.4	1.5	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	178.6	-0.20%	0.7	988	3.1	(414)	-431.0	14.6	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.6	-0.20%	0.6	-	0.6	6,678	7.3	2.0	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	26.4	1.50%	1.3	132	2.7	2,254	11.7	1.7	19.5%	14.7%
PVT	O&G	28.2	0.50%	1.1	407	1.8	2,805	10.0	1.4	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	36.1	1.40%	1.2	574	10.6	1,703	21.2	1.2	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	67.5	1.40%	1.1	1,292	1.9	3,804	17.7	1.8	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.kh@bsc.com.vn The market had 224 gainers, 64 remaining up

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660